TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/LĐ-ST
Ngày: 07-9-2020
V/v: Tranh chấp bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng – Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động thị xã Tân Uyên;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây - Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 14/2020/TLST-LĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị S, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Số A đường số S, ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty A (gọi tắt là Vông ty A); địa chỉ: Khu phố V, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Go Sun J, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, khu phố V, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, (Giấy ủy quyền ngày 05/8/2020), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày như sau:

Ngày 15/8/2015, bà Lê Thị S ký hợp đồng lao động với Công ty B (sau đổi tên thành Công ty A) số 100696/2015/HĐLĐ-INT loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, với mức lương là 3.400.000 đồng/tháng. Đến tháng

04/2016, bà S xin nghỉ việc và được Công ty A đồng ý theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với CB, CNV số 94/2016/QĐTV-GB ngày 12/4/2016.

Từ khi vào làm việc, hàng tháng Công ty A đều trích tiền lương của bà S để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nhưng chỉ nộp tiền cho Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên đến tháng 10/2015. Mặt khác, từ khi bà S nghỉ việc đến nay, Công ty A không chốt sổ bảo hiểm xã hội, không trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà S. Khi bà S liên hệ với Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên thì được biết Công ty A đang nợ quỹ bảo hiểm xã hội nên cơ quan bảo hiểm xã hội không thể giải quyết chế độ cho bà S. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty A phải chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà S theo quy định pháp luật; buộc Công ty A bồi thường cho bà S tiền trợ cấp thất nghiệp với số tiền tương ứng với 60% của 03 tháng lương tại thời điểm bà S nghỉ việc.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/8/2020, bà S có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty A đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà S từ tháng 11/2015 đến tháng 03/2016; đồng thời rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty A bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp.

Ông Hoàng Văn K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty A trình bày:

Trước đây, Công ty A có ký hợp đồng lao động với bà Lê Thị S. Sau đó, do tình hình kinh tế khó khăn nên Công ty A đã cho bà S nghỉ việc. Hiện nay, do hoạt động kinh doanh, sản suất của Công ty A gặp nhiều khó khăn còn nợ tiền bảo hiểm xã hội của nhân viên trong đó có bà S. Công ty A đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông Hoàng Văn K có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Theo Công văn số 226/CV-BHXH ngày 17/8/2020 của Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên và Biên bản xác minh ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thể hiện: Công ty A có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Lê Thị S tại Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên, mã số BHXH: 7413200182 từ tháng 08/2015 đến tháng 03/2016. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty A đang nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 11/2015. Từ khi bà S nghỉ việc, Công ty A chưa lập hồ sơ, thủ tục gửi về Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên để chốt sổ BHXH cho bà S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào quan hệ lao động và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp bảo hiểm xã hội"; bị đơn Công ty A có trụ sở tại thị xã Tân Uyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định được: Ngày 15/8/2015, Công ty A có ký hợp đồng lao động với bà Lê Thị S, loại hợp đồng lao động có thời hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà S xin thôi việc và được Công ty A ra quyết định cho thôi việc ngày 12/4/2016. Do đó, giữa bà S và Công ty A phát sinh quan hệ lao động phù hợp quy định pháp luật. Điều này được các đương sự thừa nhận nên là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quan hệ lao động giữa bà S và Công ty A là hợp pháp và việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động, người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Theo Công văn số 226/CV-BHXH ngày 17/8/2020 của Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên xác định: Công ty A có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Lê Thị S từ tháng 08/2015 đến tháng 03/2016. Bà S nghỉ việc tại Công ty A từ tháng 04/2016. Do đó, Công ty A và bà S phải có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tương ứng với thời gian làm việc của bà S. Thực tế hàng tháng, Công ty A đều trích tiền lương của bà S để đóng bảo hiểm xã hội nhưng không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà S từ tháng 11/2015. Bà S xin nghỉ việc từ tháng 04/2016 nên thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà S phải tính đến hết tháng 03/2016. Việc Công ty A trích tiền lương của nguyên đơn hàng tháng nhưng không nộp tiền cho Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên, không chốt sổ bảo hiểm xã hội và không hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ luật Lao động, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu bồi thường 03 tháng tiền trợ cấp thất nghiệp là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[6] Ý kiến đề xuất giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Công ty A phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều: 32, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 238, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 47, Điều 186 Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 18, 19, khoản 2 và khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội;

- Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S đối với bị đơn Công ty A về việc "Tranh chấp bảo hiểm xã hội":

1.1. Buộc Công ty A phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định cho bà Lê Thị S tại Bảo hiểm xã hội thị xã Tân Uyên từ tháng 11/2015 đến tháng 03/2016. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

1.2. Buộc Công ty A thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Lê Thị S theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S về việc yêu cầu bị đơn Công ty A bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Nga